CÔNG TY **CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 53 /QĐ-HĐQT-CKDK	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Ban hành Quy chế Công bố thông tin

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí được thông qua ngày 28/04/2022;

Căn cứ Giấy Ủy quyền thực hiện công bố thông tin số 558A ngày 08/6/2016 của Người đại diện theo Pháp luật – Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí;

Căn cứ Tờ trình số 02/TT-CBTT ngày 28 / 12 /2023 về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 03/8/2016.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- BKS (để giám sát thực hiện);
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội

ĐT: 024 39343888; Fax: 024 39343999

Email: psi@psi.vn

Website: www.psi.vn

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN

QC.01.CBTT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 ngày 29 tháng 12 năm 2023)

Họ và tên	Đơn vị soạn thảo		Phòng QTRR.KSNB	Đại diện quản lý chất lượng	Pháp chế	Phê duyệt
	Biên soạn	Kiểm tra				
	Trần Tú Lan	Trần Tú Lan	Bùi Hồng Mai	Phan Quỳnh Nga	Hoàng Thị Mỹ Hoa	Nguyễn Anh Tuấn
Chức danh	Người được UQ Công bố thông tin	Người được UQ Công bố thông tin	Trưởng phòng QTRR.KSNB	Giám đốc	Chuyên viên	Chủ tịch HĐQT Người Đại diện theo Pháp luật
Chữ ký						
Ngày ký	25/12/2023	25/12/2023	27/12/2023	27/12/2023	25/12/2023	29/12/2023

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI

STT	Trang & Mục sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Ngày sửa đổi	Người sửa đổi

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

Quy định cụ thể về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ PSI.

Xác định trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của PSI.

Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được áp dụng trong việc công bố thông tin của toàn Hệ thống PSI.

2.2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

- Người nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (sau đây gọi tắt là Người nội bộ);
- Người có liên quan của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- Người thực hiện công bố thông tin;
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí theo quy định của pháp luật;
- Các Khối/Phòng/ Đơn vị thuộc Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí và Chi nhánh có liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Điều 3: Các tài liệu liên quan

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

- Nghị định số 65/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 09 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động công ty chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư số 51/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30 tháng 06 năm 2021 về việc hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 ;
- Quy chế thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-SGDVN;
- Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính ;
- Quyết định 105/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước hướng dẫn thiết lập, vận hành hệ thống quản trị rủi ro công ty chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí hiện hành;
- Các tài liệu liên quan khác ;
- Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu các văn bản quy phạm pháp luật có sửa đổi, bổ sung/thay thế các nội dung khác với nội dung được quy định tại Quy chế này thì áp dụng trực tiếp các quy định của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đối với các vấn đề được điều chỉnh.

Điều 4: Các từ viết tắt

- CBTT: Công bố thông tin;
- GĐ: Giám đốc;

- HĐQT: Hội đồng quản trị;
- SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán;
- TTLK: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- UBGSTCQG: Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- PSI: Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- TSC: Trụ sở chính;
- CN: Chi nhánh;
- Khối TV: Khối Tư vấn;
- KTNB: Phòng Kiểm toán nội bộ;
- QTRR.KSNB: Phòng Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ;
- BLPH: Bộ phận bảo lãnh phát hành;
- TD: Bộ phận tự doanh
- TCKT: Phòng tài chính kế toán;
- QLNV: Phòng Quản lý nghiệp vụ;
- TCHC: Phòng Tổ chức hành chính;
- ĐTTC: Phòng Đầu tư Tài chính;
- BCTC: Báo cáo tài chính.

Điều 5: Các định nghĩa

- **Công ty:** là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- **Đơn vị:** là Khối, Trung tâm, Phòng, Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- **Người CBTT:** là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí hoặc người được ủy quyền công bố thông tin;
- **Người đại diện theo pháp luật:** là Chủ tịch HĐQT Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- **Người được ủy quyền CBTT:** là người được Người CBTT của Công ty ủy quyền CBTT và được đăng ký với cơ quan quản lý của Nhà nước theo quy định;
- **Người nội bộ của Công ty:** là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của PSI, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên HĐQT, Người đại diện theo pháp luật, GĐ, Phó GĐ, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;

b) Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Phòng Kiểm toán nội bộ;

c) Người được ủy quyền CBTT;

d) Thư ký công ty;

e) Người phụ trách quản trị công ty.

- **Người có liên quan của Công ty:** là tổ chức hoặc cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) PSI và người nội bộ của PSI;

b) PSI và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của PSI;

c) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

d) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

e) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

f) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- **Người quản lý Công ty:** là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

- **Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:**

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

đ) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

- **Bộ phận hỗ trợ CBTT:** là đơn vị được giao nhiệm vụ lập báo cáo hoặc đưa các tin công bố theo chức năng nghiệp vụ chuyên môn gửi Người CBTT/Người được Ủy quyền CBTT thực hiện công bố;
- **Bộ phận liên quan:** là đơn vị có liên quan đến việc CBTT, được giao nhiệm vụ hỗ trợ, phối hợp, cung cấp tài liệu cho Bộ phận hỗ trợ CBTT phục vụ việc CBTT;
- **Ngày CBTT:** là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 8.1 Điều 8 Quy chế này;
- **Ngày báo cáo về việc công bố thông tin**: là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo về việc CBTT tùy theo thời điểm nào đến trước;
- **Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau**:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại TTLK trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua SGDCK.

Điều 6: Nguyên tắc thực hiện

6.1. Người CBTT/Người được Ủy quyền CBTT khi thực hiện CBTT phải đảm bảo tin công bố là tin đã được cấp có thẩm quyền ký duyệt và công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật hiện hành về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật liên quan:

a) Đối tượng công bố thông tin được quy định tại mục 2.2 Điều 2 của Quy chế này, phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố trước pháp luật.. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó. Các thông tin công bố phải nêu rõ sự kiện được yêu cầu công bố, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có);

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng CBTT phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán,

số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

6.2. Các đối tượng quy định tại mục 2.2 Điều 2 của Quy chế này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 6.1 Điều này và các đối tượng CBTT không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

6.3. Việc CBTT phải được thực hiện đồng thời trên trang thông tin điện tử của Công ty, phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật.

6.4. Việc CBTT phải được thực hiện trên hệ thống CBTT của UBCKNN, SGDCK theo quy định.

6.5. Thông tin công bố phải đảm bảo thống nhất về dữ liệu và được cung cấp từ các bộ phận có liên quan, bộ phận hỗ trợ thông tin.

6.6. Bộ phận hỗ trợ CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT trong tối thiểu 05 năm.

6.7. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán:
Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

Điều 7: Người thực hiện công bố thông tin

7.1. Việc CBTT của Công ty do Người CBTT hoặc Người được ủy quyền CBTT thực hiện:

a) Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT phải chịu trách nhiệm thực hiện công bố các nội dung thông tin đã được ký duyệt bởi Người có thẩm quyền về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT;

b) Việc ủy quyền CBTT được thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

c) Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc

người được ủy quyền CBTT theo Mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

7.2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân ủy quyền cho Công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT như sau:

Nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho Công ty để Công ty thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, CBTT theo quy định pháp luật. Tài liệu bao gồm:

- Giấy ủy quyền CBTT theo Mẫu ban hành tại Phụ lục số II của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài chính;
- Bản cung cấp thông tin của nhà đầu tư cá nhân đó theo Mẫu ban hành tại Phụ lục số III của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ tài cho UBCKNN, SGDCK trong vòng 24 giờ khi việc ủy quyền có hiệu lực;
- Nội dung thông tin cần công bố.

7.3. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện nghĩa vụ báo cáo và CBTT theo quy định tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ tài chính và pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 8: Phương tiện công bố thông tin

8.1. Công ty thực hiện CBTT trên các phương tiện CBTT sau:

a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;

c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...);

8.2. Quy định về trang thông tin điện tử của Công ty:

a) Khi Công ty lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin,Quy chế quản trị nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

8.3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên phương tiện công bố thông tin quy định tại điểm a, khoản 8.1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

8.4. Việc CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 9: Hình thức cung cấp thông tin công bố

9.1 Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc công bố đều được thực hiện bằng văn bản có đầy đủ dấu và chữ ký của người có thẩm quyền, đính kèm file nội dung theo yêu cầu gửi đến UBCKNN, SGDCK và các cơ quan/tổ chức khác cần báo cáo (qua Hệ thống đăng tải tin công bố và gửi Báo cáo theo quy định của các cơ quan quản lý).

9.2 Thông tin dưới dạng điện tử: Các thông tin bằng dữ liệu điện tử dạng văn bản gửi qua đường email đã đăng ký hoặc phương tiện khác do UBCKNN, SGDCK quy định. Bảng mã sử dụng, dung lượng dữ liệu điện tử được thực hiện theo quy định của UBCKNN, SGDCK(Unicode trên phần mềm Word, lưu file dạng PDF, dữ liệu điện tử dạng số liệu dùng phần mềm Excel).

9.3 Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và CBTT thông qua cổng trực tuyến, hình thức CBTT đối với các báo cáo này được thực hiện CBTT qua cổng điện tử theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và quy định của Công ty;

Trường hợp có sự thay đổi trang thông tin điện tử đã đăng ký, gửi thông báo bằng văn bản bao gồm địa chỉ, điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (email)... phải thông báo bằng văn bản theo Mẫu ban hành tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11

năm 2020 của Bộ tài chính trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày hoàn tất việc thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

9.4 Đăng tải thông tin được công bố trên website của Công ty.

Điều 10: Nội dung thông tin công bố, thời gian CBTT, bộ phận giúp việc CBTT (Theo Phụ lục đính kèm)

Điều 11: Thay đổi và tạm hoãn CBTT

11.1 Thay đổi thông tin công bố:

Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đơn vị có liên quan phải: (i) thông báo cho Bộ phận hỗ trợ CBTT, (ii) có văn bản giải trình, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, (iii) chuyển Người CBTT/Người được Ủy quyền CBTT thực hiện CBTT theo quy định.

11.2 Tạm hoãn CBTT:

- Đối tượng công bố thông tin được quy định tại mục 2.2 Điều 2 của Quy chế này được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT;
- Trong trường hợp cần thiết phải bảo lưu chưa CBTT, Bộ phận hỗ trợ CBTT làm công văn trình Lãnh đạo Công ty ký đề nghị bảo lưu chưa CBTT gửi UBCKNN xem xét chấp thuận đồng thời gửi Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT;
- Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 12: Xử lý vi phạm về CBTT

Các đơn vị/cá nhân có liên quan đến việc CBTT của Công ty có hành vi vi phạm quy định về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 13: Trách nhiệm của các cá nhân, bộ phận liên quan

13.1 Trách nhiệm chung

Mọi cá nhân và đơn vị có liên quan có trách nhiệm:

- Tuân thủ Quy chế này và các quy định có liên quan của Công ty, các cơ quan quản lý và pháp luật;
- Kịp thời báo cáo cho Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT khi nhận được yêu cầu phải CBTT;

Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người có thẩm quyền về về tính chính xác, kịp thời của cá thông tin cung cấp cho Người CBTT. **Trách nhiệm cụ thể:**

13.2.1. Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT

- Chỉ đạo Bộ phận hỗ trợ CBTT chuẩn bị nội dung thông tin cần công bố;
- Kiểm tra tính hợp lệ của nội dung báo cáo, thông tin công bố; yêu cầu chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo trong trường hợp cần thiết;
- Đảm bảo thực hiện đúng thời hạn CBTT theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Ký bản tin công bố trước khi thực hiện CBTT;
- Chỉ đạo việc tiếp nhận và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và nhà đầu tư;
- Thực hiện theo dõi, đôn đốc, giám sát hoạt động nộp báo cáo, CBTT của từng Bộ phận/Đơn vị đảm không việc công bố thông tin đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định pháp luật.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

13.2.2. Bộ phận hỗ trợ CBTT:

- Là bộ phận đầu mối lập Báo cáo hoặc thông tin công bố;
- Đề nghị các bộ phận có liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho việc lập Báo cáo hoặc tin công bố, đảm bảo việc CBTT được kịp thời;
- Soạn thảo, gửi Người CBTT hoặc người được ủy quyền CBTT các báo cáo/thông tin công bố để thực hiện việc CBTT theo quy định trước thời hạn CBTT quy định tại Điều 10 tối thiểu 01 (một) ngày làm việc (trừ thông tin bất thường);
- Phối hợp với bộ phận truyền thông đưa thông tin lên website của Công ty, các ấn phẩm của Công ty (nếu có) hoặc các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định;
- Thực hiện tiếp đón và cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho các quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và nhà đầu tư khi có sự ủy quyền của Người CBTT/ người được ủy quyền CBTT;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT về nội dung thông tin công bố.

13.2.3. Bộ phận liên quan:

- Cung cấp thông tin về các sự kiện phải CBTT bất thường (nếu có) cho Bộ phận hỗ trợ CBTT chậm nhất trong ngày phát sinh sự kiện để đảm bảo CBTT đúng thời hạn theo quy định tại điều 10 Quy chế này;
- Cung cấp các tài liệu cần thiết cho việc CBTT có liên quan đến bộ phận mình phụ trách theo yêu cầu của Bộ phận hỗ trợ CBTT;
- Đảm bảo tính chính xác của từng tài liệu cung cấp và tiến độ cung cấp theo đúng yêu cầu;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT về tính chính xác của các tài liệu phục vụ cho việc CBTT.

13.2.4. Trưởng đơn vị tại Công ty:

- Phân công cán bộ tham gia vào Bộ phận hỗ trợ CBTT của Công ty, phụ trách việc tin công bố của đơn vị mình;
- Chỉ đạo việc cung cấp tài liệu liên quan đến việc CBTT theo yêu cầu của Bộ phận hỗ trợ CBTT;
- Chịu trách nhiệm trước Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của nội dung thông tin công bố, các tài liệu phục vụ cho việc CBTT.

13.2.5. Phòng QTRR-KSNB:

Thực hiện việc hỗ trợ CBTT/cung cấp các tài liệu liên quan cần thiết cho việc CBTT có liên quan đến nghiệp vụ của Phòng theo đề nghị của Bộ phận hỗ trợ CBTT;

13.2.6. Bộ phận truyền thông:

Đăng tải CBTT lên website của Công ty, các phương tiện thông tin đại chúng (báo in, báo điện tử…) theo yêu cầu của Người CBTT/Người được Ủy quyền CBTT hoặc Bộ phận hỗ trợ CBTT.

13.2.7. Phòng Công nghệ thông tin:

Thực hiện việc hỗ trợ đường truyền và hạ tầng công nghệ phục vụ việc CBTT của Công ty.

Điều 14. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng

14.1. Trả lời phỏng vấn

- Việc cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng, trả lời phỏng vấn về các vấn đề liên quan đến tin công bố về hoạt động của Công ty phải do Người CBTT/ Người được ủy quyền CBTT hoặc người được Giám đốc chỉ định trả lời phỏng vấn;
- Trường hợp nhân viên Công ty được mời đích danh cho các cuộc phỏng vấn về những nội dung liên quan đến tin công bố về hoạt động của Công ty thì phải báo cáo Người CBTT

/Người được ủy quyền CBTT hoặc Giám đốc và chỉ được phép trả lời phỏng vấn sau khi được Người CBTT /Người được ủy quyền CBTT hoặc Giám đốc Công ty/Phó Giám đốc phụ trách đồng ý về các nội dung dự kiến sẽ trả lời;

- Khi có bất kỳ người nào cung cấp thông tin không chính thức làm ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, giá cổ phiếu Công ty thì Người CBTT hoặc người được ủy quyền CBTT phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông tin đó được công bố.

14.2. Đưa thông tin và các bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty lên phương tiện thông tin đại chúng

- Người CBTT/Người được ủy quyền CBTT là người có thẩm quyền quyết định việc đưa thông tin, các bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty lên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Bộ phận truyền thông là bộ phận thực hiện việc đưa các thông tin, bài viết lên các phương tiện thông tin đại chúng sau khi được Người CBTT/ Người được ủy quyền CBTT phê duyệt.

CHƯƠNG II: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Lưu đồ công bố thông tin

Trách nhiệm	Các bước tiến hành	Mô tả công việc
Bộ phận hỗ trợ CBTT Bộ phận liên quan Cán bộ được giao nhiệm vụ	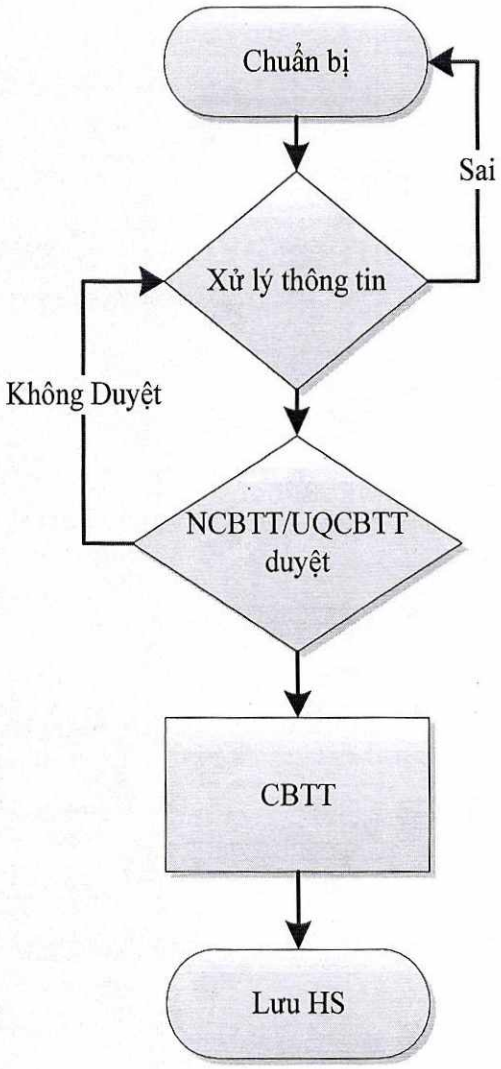	Bước 1
Bộ phận hỗ trợ CBTT		Bước 2
Cấp có thẩm quyền		Bước 3
Người CBTT/Người được Ủy quyền CBTT thực hiện CBTT		Bước 4
Văn thư Bộ phận hỗ trợ CBTT		Bước 5

Điều 16. Các bước thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị thông tin công bố

Đơn vị thực hiện: Bộ phận hỗ trợ CBTT, Bộ phận liên quan

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế CBTT của Công ty Chứng khoán Dầu khí, Bộ phận hỗ trợ CBTT gửi yêu cầu (danh mục tài liệu, thời gian gửi tài liệu) đến các Bộ phận liên quan để chuẩn bị tài liệu phục vụ cho việc CBTT, đảm bảo thời gian CBTT theo quy định.

Bộ phận liên quan chuẩn bị tài liệu, gửi về Bộ phận hỗ trợ CBTT để xử lý.

Bước 2. Xử lý thông tin

Đơn vị thực hiện: Bộ phận hỗ trợ CBTT

Sau khi nhận tài liệu từ Bộ phận liên quan, Bộ phận hỗ trợ CBTT tiến hành tập hợp, kiểm tra tính chính xác của nội dung thông tin; yêu cầu các Bộ phận liên quan tiến hành chỉnh sửa nếu có sai sót.

Nếu các nội dung báo cáo, thông tin công bố đầy đủ và đúng yêu cầu việc CBTT theo quy định hiện hành, Bộ phận hỗ trợ CBTT thực hiện soạn thảo văn bản tin công bố, ký duyệt Báo cáo, thông tin công bố theo quy định trình Lãnh đạo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 3. Ký phê duyệt nội dung CBTT

Người thực hiện: Lãnh đạo cấp có thẩm quyền ký duyệt thông tin cần công bố.

Lãnh đạo có thẩm quyền nhận nội dung thông tin công bố từ Bộ phận hỗ trợ CBTT, kiểm tra và ký phê duyệt nội dung thông tin cần công bố.

Bước 4. Thực hiện CBTT

Bộ phận hỗ trợ CBTT có trách nhiệm gửi tin công bố cho Người Công bố thông tin/Người được Ủy quyền CBTT theo đúng thời hạn quy định.

Bộ phận hỗ trợ CBTT phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện gửi tin để thực CBTT, cụ thể:

+ Gửi Người CBTT/Người được Ủy quyền CBTT bản scan CBTT và các tài liệu có liên quan (có phê duyệt và đóng dấu), file mềm bản CBTT (có số văn bản) để đăng lên cổng thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCK, UBGSTCQG, TTLK;

+ Gửi bộ phận truyền thông bản scan CBTT và các tài liệu có liên quan (nếu cần thiết) để đăng tải tên website Công ty và các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm thông tin của Công ty (nếu có).

+ Bản chính báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK bằng đường bưu điện có bảo đảm và có báo phát.

Người CBTT/Người được Ủy quyền CBTT soạn văn bản CBTT đính kèm các tài liệu đã được duyệt và thực hiện CBTT theo quy định.

Bước 5. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Bộ phận Văn thư và Bộ phận hỗ trợ CBTT có trách nhiệm lưu giữ theo quy định hiện hành đối với các báo cáo đã gửi đi có đóng dấu công văn đi, các giấy báo phát của bưu điện để làm bằng chứng cho việc gửi báo cáo, CBTT của Công ty và phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.

Báo cáo gửi qua email phải được lưu trữ đầy đủ trên máy vi tính. Báo cáo gửi bằng fax phải lưu kèm báo cáo kết quả truyền fax được in ra từ máy fax.

CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17: Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành kèm theo Quyết định số .53../QĐ-CKDK-HĐQT ngày ..29.../ 12 /2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người đại diện theo Pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Những quy định về CBTT tại các văn bản khác do Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí ban hành trái với quy định tại Quy chế này sẽ bị hủy bỏ. Các nội dung nếu chưa được đề cập tại Quy chế này được thực hiện theo các yêu cầu của PSI và các văn bản quy phạm pháp luật/cơ quan quản lý khác có liên quan.

Mọi đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có trách nhiệm tuân thủ quy định này. Việc bổ sung, sửa đổi, thay thế quy định này do Chủ tịch Hội đồng quản trị/Người đại diện theo Pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí quyết định.

BẢNG TỔNG HỢP BÁO CÁO GỬI CƠ QUAN QUẢN LÝ

(Kèm theo Quy chế Công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 55. QĐ/CBTT-CKDK ngày 29 tháng 12 năm 2023)

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
I	**CÔNG BỐ THÔNG TIN & BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**			
A	**Báo cáo ngày, tuần**			
1	Báo cáo tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết	Trước 8 giờ sáng ngày kế tiếp	QLNV	Báo cáo ngày
2	Báo cáo tiền gửi nhà đầu tư	Trước 16 h ngày làm việc đầu tiên của tuần sau	QTRR.KSNB	Báo cáo tuần
3	Báo cáo tình hình giao dịch ký quỹ	Trước 8 giờ sáng ngày kế tiếp	QLNV	Báo cáo ngày
4	Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu	Trước 11 giờ	QLNV	Báo cáo tuần
B	**Báo cáo tháng**			
1	Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính	Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	TCKT	
2	Báo cáo tình hình hoạt động hàng tháng	Trong vòng 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng sau	QTRR.KSNB	
3	Báo cáo tài khoản giao dịch của nhà đầu tư	Gửi 02 lần/tháng - 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng sau - Từ 15-17 hàng tháng	QLNV	
4	BC về tình hình đóng mở tài khoản và khách hàng ủy quyền	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	QLNV	
5	Báo cáo danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	QLNV	
6	Báo cáo giám sát	10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	CNTT, QLNV, QTRR.KSNB, TCKT	
7	Báo cáo tình hình giao dịch ký quỹ tháng (UBCKNN)	Trước 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng sau	QLNV	
8	Báo cáo Thống kê Danh lục lưu ký của Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức phát hành Chứng chỉ lưu ký tại NN	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	QLNV	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
9	Báo cáo xác nhận tổng số dư chứng khoán theo từng mã chứng khoán trên tài khoản lưu ký của các khách hàng tại thành viên lưu ký (Mẫu 06/LK-TV của Quy chế thành viên lưu ký);	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	QLNV	
10	Báo cáo xác nhận số dư chứng khoán trên tài khoản của từng nhà đầu tư mở tài khoản tại thành viên lưu ký (Mẫu 07/LK-TV của Quy chế thành viên lưu ký).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	QLNV	
C	**Báo cáo Quý**			
1	Báo cáo an toàn tài chính, Báo cáo Tài chính, Giải trình biến động lợi nhuận trên 10% so với cùng kỳ năm trước	Trước ngày 20 của tháng đầu quý sau. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày Kiểm toán ký Báo cáo (nếu có thực hiện kiểm toán Báo cáo)	TCKT	
2	Báo cáo danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Quý (theo mẫu tại Phụ lục 14/QCTV, của VNX)	10 ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu quý sau	QLNV	
3	Báo cáo danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Quý (theo mẫu của HNX)	13 ngày đầu tiên của tháng đầu quý báo cáo	QLNV	
4	Báo cáo tình hình hoạt động	Trước ngày 20 tháng đầu Quý	QTRR.KSNB	
5	Báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu, đăng ký, lưu ký trái phiếu	Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau	QLNV	
6	Báo cáo của Tổ chức Tư vấn Hồ sơ chào bán trái phiếu	Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau	TV	
D	**Báo cáo bán niên**			
1	Báo cáo tài chính và chỉ tiêu an toàn tài chính bán niên được soát xét, Giải trình ý kiến lưu ý, ý kiến ngoại trừ trên báo cáo soát xét (Nếu có), Giải trình ý kiến ngoại trừ trên báo cáo soát xét (Nếu có) (Có ý kiến của Công ty kiểm toán),	Thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	TCKT	
2	Báo cáo Quản trị Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch.	Thư ký Công ty	
	Báo cáo tình hình hoạt động bán niên	Trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	QTRR.KSNB	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
3	Báo cáo Quản trị rủi ro	Trước ngày 31/7	QTRR.KSNB	
E	**Báo cáo năm**			
1	Báo cáo tài chính và chỉ tiêu an toàn tài chính năm được kiểm toán: Giải trình biến động LN Giải trình ý kiến lưu ý trên báo cáo kiểm toán (nếu có) Giải trình ý kiến ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán (Có ý kiến của Công ty kiểm toán)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	TCKT	
2	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	TCHC	
3	Báo cáo về tình hình đầu tư chứng khoán, tình hình trích lập và xử lý dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán Báo cáo về tình hình đầu tư tài chính dài hạn; tình hình trích lập và xử lý dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	ĐTTC	
4	Báo cáo quản trị Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm đương lịch	Thư ký Công ty	
5	Báo cáo giao dịch trực tuyến năm	Trước ngày 31 tháng 1 năm kế tiếp	QLNV	
6	Báo cáo Quản trị rủi ro Chính sách rủi ro (được HĐQT phê duyệt hàng năm)	Trước ngày 31/01 năm sau	QTRR.KSNB	
7	Phòng chống rửa tiền	Chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo	QTRR.KSNB	
7.1	Báo cáo của KTNB về phòng chống rửa tiền	60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	KTNB	
8	Báo cáo tình hình hoạt động năm	- Trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo (mẫu của UBCK) - Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm (theo mẫu của VNX)	QTRR	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
9	Báo cáo về tình hình sử dụng người hành nghề tại công ty của năm trước liền kề (Mẫu 87, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	Trước ngày 20/01 của năm tiếp theo	TCHC	
10	Báo cáo định kỳ hệ thống công nghệ thông tin kết nối đến Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Ngày 31/01 năm sau	CNTT	
II	**CÔNG BỐ THÔNG TIN & BÁO CÁO KHÁC**			
1	Thông tin về Đại hội đồng cổ đông thường niên (thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp)	Tối thiểu trước 21 ngày trước ngày khai mạc Đại hội	Thư ký Công ty	
2	Phát hành trái phiếu doanh nghiệp			
2.1	Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp	Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.	TCKT	
2.2	Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu	Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán	TCKT	Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán."
2.3	Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu.	60 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm (đối với Báo cáo định kỳ 6 tháng); 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính (đối với Báo cáo định kỳ hàng năm).	TCKT	Định kỳ 06 tháng và hàng năm cho đến khi đáo hạn trái phiếu.

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
2.4	Thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn từ đợt cháo bán chứng khoán	Trong vòng 24 giờ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền		Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất
3	Thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường	Tối thiểu trước 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông	Thư ký Công ty	- Tài liệu gửi trên trang điện tử của Công ty, của UBCKNN, SGDCK đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp cho các cổ đông; - Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.
4	Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bất thường dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến	Thư ký công ty	Công bố trên Website của Công ty
5	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	DVCK	
6	BCTC khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán	TCKT	
7	Các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp giao dịch ký quỹ, Công ty phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ ký quỹ bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện ký quỹ	Khi các thay đổi có hiệu lực	DVTC	Công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh và trang thông tin điện tử của Công ty
8	Công bố thông tin khi Công ty là cổ đông lớn của công ty đại chúng hoặc quỹ đóng			
8.1	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng)	Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư lớn	DVCK	- Khi Công ty sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
8.2	Khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tăng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm ….) (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đóng)	Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư lớn	DVCK	
8.3	Công bố thông tin của cổ đông lớn của Công ty: Thông tin về sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ	Trong vòng ba (03) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư	DVCK	
9	Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ của Công ty và người có liên quan của Người nội bộ		DVCK	- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có CBTT từ SGDCK; - Không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký; - Chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó. - Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện báo cáo và CBTT theo quy định; - Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của đối tượng đồng thời là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ dị chúng thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội và người có liên quan
9.2	Báo cáo về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	DVTC	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
10	Trường hợp công ty chứng khoán thay đổi hệ thống quản lý giao dịch ký quỹ	Tối thiểu trước 15 ngày trước ngày dự kiến chính thức tổ chức triển khai thực hiện	CNTT, QLNV	
11	Vay, đầu tư vượt quá hạn mức quy định tại Điều 26 và Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC	03 ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện	ĐTTC	
12	Ngày trụ sở chính công ty chứng khoán, chi nhánh, phòng giao dịch khai trương hoạt động.	03 ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện	TCHC	
13	Phòng chống rửa tiền			
13.1	Đăng ký thông tin của Người chịu trách nhiệm về PCRT	15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi về nhân sự	QTRR.KSNB	
13.2	Báo cáo về giao dịch có giá trị lớn	Trước 16 giờ ngày làm việc kế tiếp	QTRR.KSNB	
13.3	Báo cáo giao dịch đáng ngờ	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh giao dịch hoặc trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày đối tượng báo cáo phát hiện được giao dịch đáng ngờ.	QTRR.KSNB	
13.4	Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử	Trước 16 g ngày làm việc kế tiếp.	QTRR.KSNB	
13.5	Báo cáo khi có yêu cầu, thông báo của cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCRT	Trong thời hạn 7 ngày	QTRR.KSNB	
13.6	Báo cáo khi ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành	QTRR.KSNB	
III	**CÔNG BỐ THÔNG TIN & BÁO CÁO TRONG VÒNG 24 GIỜ**			
1	Công ty không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ nhất		Thư ký Công ty	Duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội cổ đông theo quy định tại điểm 5.1 khoản 5, mục I điều này cho tới khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ
2	Tài khoản của Công ty tại Ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi phong tỏa		Khối Vận hành	
3	- Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; - Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; - Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Sửa đổi , bổ sung hoặc đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;		Khối Vận hành	CBTT trên Hệ thống của các Sở, Ủy ban CKNN, Website, các địa điểm kinh doanh của Công ty, SGDCK, TTLK

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
4	Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.		Phòng TCKT	
5	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn		Khối Vận hành	
6	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.		Khối Vận hành	
7	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.		Khối Vận hành	
8	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;		Khối Vận hành	
9	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;		TCKT	
10	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng		Khối Vận hành	
11	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết			

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
12	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;		Khối Vận hành	
13	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc giải thể công ty kèm theo phương án giải quyết nợ cho chủ nợ và những người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi Đại hội đồng cổ đông ra quyết định	TCHC	
14	Thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.		TCHC	
15	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên	Thư ký Công ty	Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải thực hiện CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn
16	- Mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; - Ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu - Chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định quy định pháp luật về doanh nghiệp	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	BLPH	
17	- Tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Công ty), giải thể Công ty; - Thay đổi tên Công ty, con dấu của Cong ty - Thay đổi địa điểm thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; - Sửa đổi bổ sung chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
18	Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Thư ký Công ty	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
19	Thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); - Thông báo Doanh nghiệp kiểm toán đã ký Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi Doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký Hợp đồng) - Doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; - Kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); - Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính.	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCKT	
20	Đóng, mở chi nhánh, văn phòng đại diện	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
21	Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Khối Vận hành	
22	Phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Khối Vận hành	
23	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành:			
23.1	Công ty phát hành thêm cổ phiếu	Trong vòng 24 giờ tính từ thời điểm Công ty Báo cáo UBCKNN kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán	Khối Vận hành	
23.2	Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ	Trong vòng 24 giờ tính từ thời điểm Công ty Báo cáo UBCKNN kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ	Khối Vận hành	
24	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
25	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Khối Vận hành	Đồng thời Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông của Người nội bộ mới theo Phụ lục số 03
26	Khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
27	Bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty;	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
28	Kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
29	- Vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; - Vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo BCTC năm gần nhất đã kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét trong trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCKT	
30	Thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản Công ty hoặc quyết định tuyên bố Công ty phá sản them thủ tục phá sản rút gọn quy định tại Khoản 1 Điều 105 Luật Phá sản	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
31	Xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
32	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường		Thư ký Công ty	
32.1	Công ty không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	Thư ký Công ty	Duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 5.1 khoản 5, mục I điều này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông
32.2	Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên	Thư ký Công ty	Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của đông không phải là cổ đông lớn
33	Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCKT	
34	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCKT	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
35	- Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét; - Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); - Quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tính tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét.	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCKT	
36	- Quyết định của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, người hành nghề chứng khoán của công ty; - TGĐ, Phó TGĐ của Công ty bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán.	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
37	Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc đặt Công ty vào diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
38	- Các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng - Các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCKT	
39	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi sự kiện diễn ra	TCHC	
40	Khi xảy ra sự kiện/Thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, GGDCK	TCHC	Nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của điều kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
41	Các thông tin theo yêu cầu của UBCK liên quan đến Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó,	Trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, GGDCK	DVTC	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
42	Trường hợp Công ty là người có liên quan của người nội bộ của ủy niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc quỹ đại chúng niêm yết, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết.	Trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi	DVCK	
43	Báo cáo chi tiết các khoản phải thu lớn nhất	15.1 và 15.7		
IV	**CÔNG BỐ THÔNG TIN & BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**			
1	Công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu,	Nguồn vốn	Theo mẫu tại PL 01 Thông tư 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020
2	Đối với việc chào bán trái phiếu thành nhiều đợt: doanh nghiệp công bố thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin bổ sung: - Cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn trái phiếu từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu; - Cập nhật về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong trường hợp đợt chào bán sau cách đợt chào bán trước từ 03 tháng trở lên và trường hợp đợt chào bán sau khác năm tài chính với đợt chào bán trước.	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu,	Nguồn vốn	
3	Công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.	Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu.	Nguồn vốn	
4	Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán "	chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu,	Nguồn vốn	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
5	Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính công bố thông tin gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ.	Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm	TCKT	
6	Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu.	Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán.	TCKT	
7	Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.	Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán.	TCKT	
8	Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.	Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán.	Khối Vận hành	

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
9	Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		
10	Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		
11	Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		
12	Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc.	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		
13	Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định."	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		
14	Kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc		
15	Trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Trong thời hạn 10 ngày trước ngày xảy ra sự kiện		
16	Báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành		
17	Kết quả chào bán đến Sở giao dịch chứng khoán.	Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu.		Gửi Sở Giao dịch chứng khoán

STT	LOẠI THÔNG TIN CÔNG BỐ VÀ GỬI BÁO CÁO	THỜI HẠN NỘP BÁO CÁO TỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ	BỘ PHẬN HỖ TRỢ CBTT	GHI CHÚ
18	Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu.	Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu.		Doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán